

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2017/HSPT

Ngày: 27-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán:

1. Ông Võ Đình Nghị

2. Bà Hoàng Thị Minh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2017/TLPT-HS ngày 02-10-2017 đối với bị cáo Nguyễn Đức T, do có kháng cáo của bị hại, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 16-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1990 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKKTT và cư trú Thôn ĐK, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp Thợ cơ khí; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1969, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Vợ Bùi Thị H, sinh năm 1991, bị cáo có 02 con sinh năm 2011, nhỏ năm 2017, hiện cư trú thôn Đoàn Kết, xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-7-2015; đến ngày 18-01-2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; Bị bắt tạm giam lại ngày 14-6-2017. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Thị D, Văn phòng Luật sư TD, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị hại: Ông Vũ Văn C, sinh năm 1965; Nơi cư trú Thôn AB, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại: Luật sư Lê Cao T, Văn phòng Luật sư Bá T, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

1. Ông Bùi Trọng P, sinh năm 1965; Nơi cư trú Thôn AB, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Anh Trần Q (H), sinh năm 1995 ; Nơi cư trú Thôn TN, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Hoàng Đông T, sinh năm 1995; Nơi cư trú Thôn PL, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1965; Nơi cư trú Thôn AB, xã ĐPh, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1971; Nơi cư trú Thôn AB, xã ĐPh, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Giữa bị hại ông C và ông Bùi Trọng P (*bố vợ bị cáo T*) có mâu thuẫn với nhau từ trước, nên vào khoảng 10 giờ ngày 19-11-2014, bị hại đến nhà bà H để mời đám cưới. Lúc này ông P cũng có mặt tại nhà bà H để xem bị cáo T cùng các anh T, anh Q (H) đang làm chuồng bò cho nhà bà H ở bên hông nhà; khi ông P đi ra sân thì gặp bị hại đến, nên giữa bị hại và ông P xảy ra cãi nhau và xô xát, bị hại bỏ lại xe máy chạy ra ngoài đường gọi điện thoại cho ông H (*em vợ ông C*) nói đang bị ông P đánh ở nhà bà H. Khi bị hại chạy ra đến đoạn đường đất thì ông P cũng lên xe đi ra ngoài đường gặp bị hại, hai bên tiếp tục giằng co và xô xát nhau. Anh T phát hiện đã nói cho bị cáo T biết là giữa bị hại và ông P đang đánh nhau, bị cáo T và anh Q lên xe máy chạy ra thấy bị hại và ông P đang giằng co bằng tay không, nên anh Q vào can và ôm bị hại ra, bị cáo T cũng chạy vào giữa đẩy bị hại và ông P ra, ngay lúc này, bị hại quơ tay trúng vào tai bị cáo T, nên bị cáo bực tức dùng tay không nắm liên tiếp ba cái vào mặt bị hại, làm cho bị hại ngã xuống đất hai tay ôm lấy đầu, mũ bảo hiểm của bị hại đã rớt xuống đất, bị cáo Toàn đi lại cầm chiếc mũ của bị hại ở dưới đất định đánh bị hại thì anh Q giằng mũ từ tay T. Lúc này, ông H cũng vừa đến và các bên đứng nói qua lại một lúc rồi đi về, bị hại được ông H đưa đi Bệnh viện điều trị vết thương. Hậu quả làm cho bị hại bị 01 vết thương môi dưới bên phải; 01 vết thương cổ tay trái, mắt phải bị tổn thương thị lực thần kinh, gãy xương chính mũi.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 23/2015/TgT, ngày 02-02-2015 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận bị hại ông

C bị thương tích tỷ lệ 40%. Bị cáo không đồng ý với kết quả giám định, yêu cầu giám định lại; tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 124/16/TgT, ngày 26-12-2016, Viện pháp y Quốc gia, phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận bị hại ông C bị thương tích tỷ lệ 47% (*bị mù mắt phải 41%, gãy xương chính mũi 9%, sẹo môi dưới phải 1% theo nguyên tắc cộng lùi*).

Tại bản án hình sự số 67/2017/HSST ngày 16-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Đức T 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ 14-6-2017 nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 09-7-2015 đến ngày 18-01-2016 (6 tháng 10 ngày).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường số tiền là 62.684.000đ (*đã bồi thường 25.000.000đ; trong đó 15.000.000đ bị hại đã nhận; 10.000.000đ nộp bồi thường tại Chi cục THADS huyện Lâm Hà*), còn phải bồi thường tiếp 37.684.000đ.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 22-8-2017, bị hại ông C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm bỏ lọt đồng phạm đối với anh Trần Q, Bùi Trọng P; yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra xử lý đối với các đồng phạm; yêu cầu tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo khai nhận như bản án sơ thẩm quy kết, không thắc mắc khiếu nại đối với bản án sơ thẩm.

Bị hại ông C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng các lời khai ban đầu bị cáo, anh Q đều khai rằng ông P hô đánh “*đánh chết nó đi*”; sau đó bị cáo, ông P đánh bị hại, riêng ông P không thừa nhận đánh bị hại. Tuy nhiên sau này bị cáo, anh Q, anh T đều thay đổi lời khai; dẫn đến Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm ông P, anh Q với vai trò đồng phạm là bỏ lọt tội phạm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xem xét toàn diện vụ án để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Q, ông P theo quy định pháp luật. Đối với kháng cáo bồi thường thiệt hại, buộc bị cáo bồi thường số tiền 101.432.000đ, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng tuy bị cáo không kháng cáo nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*đã bồi thường khắc phục hậu quả 25.000.000đ/62.684.000đ*”, đề nghị Tòa án áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo để xem xét giảm một phần hình phạt. Bị hại kháng cáo, người bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, đề nghị Tòa án xem; đối với kháng cáo về bồi thường, cấp sơ thẩm đã tính đúng thiệt hại, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Xuất phát từ việc bị hại ông C và ông P (*bố vợ bị cáo*) xảy ra giằng co và xô xát nhau, nên sau khi anh T phát hiện nói cho bị cáo T thì bị cáo T và anh Q đến can ngăn, anh Q vào can và ôm bị hại ra, bị cáo Toàn đứng giữa đẩy bị hại và ông P ra. Theo bị cáo khai cho rằng bị hại quơ tay trúng vào tai bị cáo, nên bức tức dùng tay không nắm liên tiếp ba cái vào mặt bị hại, hậu quả gây thương tích cho bị hại và chịu trách nhiệm về hành vi gây ra cho bị hại như bản án sơ thẩm đã quy kết là đúng. Đối chiếu lời khai bị cáo, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, biên bản thực nghiệm hiện trường; kết luận giám định; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại sức khỏe của người bị hại, gây ảnh hưởng trật tự trị an của địa phương. Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định các điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt là có căn cứ. Bên cạnh đó, bị cáo đã bồi thường 25.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm nhận định áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự là chưa xem xét đúng tính tiết giảm nhẹ. Bởi lẽ, bị cáo bồi thường số tiền tương ứng 40% số tiền phải bồi thường, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định về hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm; đối chiếu với khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm là thuộc trường hợp có lợi cho bị cáo. Do cấp sơ thẩm không áp Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt là thiếu sót, nên cần áp dụng cho đầy đủ. Luật sư bào chữa đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; trong khi đó bị cáo không kháng cáo, bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, để quyết định mức hình phạt là thỏa đáng.

2. Xét kháng cáo của bị hại ông C kháng cáo cho rằng Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện, dẫn đến bỏ lọt tội đối với ông P (*bố vợ bị cáo*), anh Q với lý do “*ông Phụng hô đánh chết nó đi, sau đó anh Q ôm bị hại để cho ông P dùng tay nắm vào môi, vào mắt, còn bị cáo T dùng tay không nắm vào mặt dẫn đến thương tích*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại xác định bị thương tích tại vị trí đường đất chỉ có bị hại, bị cáo, ông P, anh Q, anh T; không có bà

H, anh Đ. Đối chiếu lời khai của bị hại ông C cũng không thống nhất như “*anh Q ôm bị hại, bị cáo T và ông P lao vào đánh vào mặt, còn sự việc dùng mũ bảo hiểm đánh vào mặt thì không nhớ rõ, bị ai đó dùng cây sắt vọt vào đầu*”; sau đó bị hại khai lại rằng “*P cầm mũ bảo hiểm đập vào mũi bị hại*” (bút lục 32). Lời khai của anh H (*em vợ bị hại*) cũng không thống nhất như “*thấy ông P đánh bị hại bằng mũ bảo hiểm, còn bị cáo T dùng tay không đánh bị hại, anh Q dùng chân đá bị hại*” (bút lục 67), sau đó chính anh H lại khai “*khi đến nơi thì thấy bị hại nằm dưới đất ôm đầu đã bị thương tích rồi*” (bút lục 204). Như vậy chính lời khai bị hại xác định khi bị đánh dẫn đến thương tích không có anh Hiệp chứng kiến. Đối với lời khai anh Q, anh T được thu thập trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can có khai ông P hô “*đánh chết nó đi*”, bị cáo T dùng mũ bảo hiểm đánh bị hại; sau khi khởi tố lời khai tại bút lục 200, 202; tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q xác định “*không nghe*” ông P hô “*đánh chết nó đi*”, bị cáo T định dùng mũ bảo hiểm đánh bị hại nhưng chưa kịp đánh thì bị giật lại; trong khi đó bản thân bị hại lúc thì khai không biết ai dùng mũ bảo hiểm đánh, lúc thì khai ông P dùng mũ bảo hiểm đánh. Đối với anh Q khai chỉ can ngăn chứ không ôm bị hại để cho bị cáo đánh, lời khai này phù hợp với biên bản thực hiện trường. Lời khai bà Hòe tại phiên tòa phúc thẩm xác định không chứng kiến thời điểm bị hại bị đánh thương tích; nhân chứng anh Đ khai không chứng kiến các bên đánh nhau (bút lục 198). Do vậy, vụ án đã được Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần, yêu cầu điều tra làm rõ về hành vi bị cáo có dùng mũ bảo hiểm đánh bị hại gây thương tích hay không; điều tra làm rõ nếu có đồng phạm ông P, anh Q để xử lý. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không chứng minh được ông Phụng, anh Quang là đồng phạm cùng với bị cáo gây thương tích, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự theo nguyên tắc suy đoán vô tội là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của bị hại là không có căn cứ về nội dung này là phù hợp.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông C kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường là 101.432.000đ, còn bị cáo không chấp nhận kháng cáo tăng bồi thường của bị hại, đề nghị giải quyết theo pháp luật. Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ chứng minh về các khoản thiệt hại thể hiện:

- Chi phí hợp lý tiền xe taxi từ Đan Phượng ra Trung tâm y tế huyện Lâm Hà và ngược lại là 560.000đ (*2 lượt x 280.000đồng/1 lượt*); Chi phí hợp lý tiền xe taxi từ Trung tâm y tế huyện Lâm Hà lên Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng và ngược là 1.000.000đ;

- Chi phí chữa trị thương tích tại Trung tâm y tế huyện Lâm Hà 300.000đ và các khoản tiền mua thuốc 824.000đ là phù hợp; Chi phí hợp lý bồi bổ sức khỏe như mua thuốc, đạm và các chi phí thực tế cần thiết khác là 10.000.000đ;

- Thiệt hại thu nhập bị mất của bị hại và người chăm sóc trong thời gian nằm viện là 2.800.000đ (*7 ngày/người x 200.000đ x 2 người*); thu nhập bị giảm sút của người chăm sóc sau khi xuất viện là 1.000.000đ (*10 ngày x 100.000đ/ngày*);

- Thiệt hại tổn thất về tinh thần 15 tháng lương cơ sở tương ứng 19.500.000đ là phù hợp;

- Thiệt hại thu nhập bị giảm sút do bị hại mất 47% sức khỏe 27.000.000đ (10 tháng x 2.700.000đ/tháng).

Như vậy, cấp sơ thẩm đánh giá đúng, đầy đủ toàn diện các khoản thiệt hại, buộc bị cáo bồi thường 62.684.000đ, đã bồi thường 25.000.000đ (trong đó 15.000.000đ bị hại đã nhận; 10.000.000đ bị cáo nộp bồi thường trước khi xét xử tại Chi cục THADS huyện Lâm Hà), còn phải bồi thường tiếp 37.684.000đ là đúng pháp luật. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

4. Về án phí phúc thẩm: Tuy kháng cáo của bị hại về bồi thường sức khỏe nhưng thuộc trường hợp không phải chịu án phí; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Vũ Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ 14/6/2017 nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 09/7/2015 đến ngày 18/01/2016 (6 tháng 10 ngày).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường số tiền là 62.684.000đ (đã bồi thường 25.000.000đ; trong đó 15.000.000đ bị hại đã nhận; 10.000.000đ nộp bồi thường tại Chi cục THADS huyện Lâm Hà, theo biên lai thu số AA/2010/06666 ngày 11-8-2017), còn phải bồi thường tiếp 37.684.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị hại ông Vũ Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TA huyện Lâm Hà;
- VKS huyện Lâm Hà;
- Công an huyện Lâm Hà;
- NTG Công an huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS Lâm Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; người bị hại (để thi hành);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng